TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**22/2020**/HNGĐ – ST
Ngày:19/8/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông **Lâm Ngọc Hà**
- Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2020/TLST – HNGĐ ngày 02/3/2020; Về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Đăng K trình bày:*

Anh K với chị Lê Thị Thùy L cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 – Quyển số 01/2011 ngày 24/11/2011. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc bên gia đình anh K và có với nhau hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/3/2013 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2015. Sau khi sinh được hai con, cuộc sống kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân

không còn hạnh phúc và chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, để lại hai con cho anh chăm sóc. Trong thời gian sống ly thân, chị L không về gia đình anh để thăm con, nên vợ chồng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng để hàn gắn lại tình cảm, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau. Nay anh Nguyễn Ngọc Đăng K yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị Thùy L theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh K yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/3/2013 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2015 sau khi ly hôn, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Thùy L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc Đăng K và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc Đăng K đối với chị Lê Thị Thùy L, cho anh K được ly hôn với chị L theo quy định của pháp luật, còn hai con chung giao cho anh K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn anh K không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn chị Lê Thị Thùy L. Xét thấy, chị Lê Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị L theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Ngọc Đăng K với chị Lê Thị Thùy L cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 – Quyển số 01/2011 ngày 24/11/2011. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc bên gia đình anh K và có với nhau hai con chung. Sau khi sinh được hai con, cuộc sống kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, để lại hai con cho anh K chăm sóc. Trong thời gian sống ly thân anh K và chị L không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau nên anh K nộp đơn xin ly hôn. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Đăng K với chị Lê Thị Thùy L cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 – Quyển số 01/2011 ngày 24/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa anh K và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, giữa anh K và chị L đã ly thân nhiều năm, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Theo anh K trình bày, từ khi chị L bỏ đi cho đến nay không một lần về thăm con, không quan tâm đến cuộc sống của anh và các con như thế nào. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn chị L đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh K cương quyết xin ly hôn, anh K cho rằng hiện nay anh với chị L không còn tình cảm với nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, ổn định không thể hàn gắn lại tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K đối với chị L.

[4] Về con chung: Anh K và chị L có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/3/2013 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2015, hiện hai cháu đang được anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, bị đơn chị L không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con chung của anh K, ngoài ra tại biên bản ngày 20/5/2020 của Tòa án ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Ngọc Tr thì cháu Tr có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh K. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai con chung cho anh K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập và tâm lý của các cháu và đúng với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do anh K không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 anh Nguyễn Ngọc Đăng K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Đăng K được ly hôn với chị Lê Thị Thùy L.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/3/2013 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 14/10/2015 cho anh Nguyễn Ngọc Đăng K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Lê Thị Thùy L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh K không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc Đăng K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001288 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, như vậy anh K đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Lê Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Tràm Chim;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha